

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19-5-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 23-3-2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số H, Phường N, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chánh T; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng C chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Số B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1; cùng địa chỉ: Làng N, xã M, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phùng Thái B; địa chỉ: Đội B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Đội B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

3. Ông Phùng Thanh N; địa chỉ: Đội B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

4. Ông Phùng Văn H; địa chỉ: Đội B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

5. Ông Phùng Thái H1; địa chỉ: Đội B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

6. Bà Phùng Thị N1; địa chỉ: Đội B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng C (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh Gia Lai cho ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 vay tiền theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN. 208.141217 ngày 14/12/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.1360.140619 ngày 14/6/2019, khế ước nhận nợ số 02 ngày 15/4/2020 số tiền vay là 300.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh nông sản, thời hạn vay là 10

tháng kể từ ngày 16/4/2020 đến ngày 15/02/2021, lãi suất trong hạn 11%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150%/lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Phùng Thái B và bà Nguyễn Thị C có giao kết tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số GIL.BĐCN.021611213 ngày 17/12/2013 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ khoản tiền vay của ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, 25, 26 thuộc tờ bản đồ số 51, 53 xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W100630 ngày 23/9/2002 cho hộ ông Phùng Thái B. Các thành viên hộ gia đình gồm ông Phùng Thái B, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Khắc T, bà Phùng Thị T1, ông Phùng Thanh N, ông Phùng Văn Hi, ông Phùng Thái H1 và bà Phùng Thị N1a đều thống nhất giao cho ông Phùng Thái B và bà Nguyễn Thị C được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp tài sản nói trên của hộ gia đình. Nội dung này đã được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực ngày 23/11/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 72.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 24.549.042 đồng. Ngày 15/02/2021 ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải trả toàn bộ nợ gốc theo thỏa thuận, tuy nhiên ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 không thực hiện nên từ ngày 16/02/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Do ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 19/5/2022 là 257.445.981 đồng, trong đó nợ gốc là 208.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.249.003 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.840.548 đồng, lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 356.430 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp của bên thứ ba theo hợp đồng thế chấp nêu trên để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1; Về chi phí tố tụng, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Thái B, bà Nguyễn Thị C, ông Phùng Thanh N, ông Phùng Văn H, ông Phùng Thái H1 và bà Phùng Thị N1 đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ đều cố T1 trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Chánh Tín (bản chứng thực); 01 quyết định bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu

ngày 23/10/2018, 01 quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu ngày 13/01/2022 (bản chứng thực); 04 giấy ủy quyền đề ngày 26/6/2019, ngày 19/7/2021, ngày 20/01/2022 và ngày 05/5/2022 (bản chứng thực và bản gốc); 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản chứng thực); 01 Quyết định tái bổ nhiệm nhân sự ngày 26/5/2020 (bản chứng thực); 01 thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung ngày 14/12/2017 (bản chứng thực); 01 hợp đồng thế chấp QSDĐ của người thứ ba số GIL.BĐCN.02161213 ngày 17/12/2013 (bản chứng thực); 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ của người thứ ba ngày 17/12/2013 (bản chứng thực); 01 khế ước nhận nợ số 02 ngày 15/4/2020 (bản chứng thực); 01 hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.1360.140619 ngày 14/6/2019 (bản chứng thực); 01 giấy chứng nhận QSDĐ số W 100630 (bản chứng thực); 01 đơn xác nhận nhân khẩu (bản chứng thực); 01 giấy xác nhận năm 2017 (bản phô tô); 01 văn bản cam kết về tài sản (bản chứng thực); 01 giấy cam kết (bản chứng thực); 01 thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 19/02/2021 (bản chứng thực); 01 giấy báo phát (bản phô tô); Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị C, Phùng Thái B, Nguyễn Khắc T, Phùng Thị T1, Phùng Văn H, Phùng Thị N1, Phùng Thanh N, Phùng Thái H1 (bản phô tô); 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình (bản phô tô); 01 Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/12/2021.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố T1 trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN. 208.141217 ngày 14/12/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.1360.140619 ngày 14/6/2019, khế ước nhận nợ số 02 ngày 15/4/2020 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các

bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo các hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 19/5/2022 là 257.445.981 đồng, trong đó nợ gốc là 208.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.249.003 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.840.548 đồng, lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 356.430 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Phùng Thái B và bà Nguyễn Thị C có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số GIL.BĐCN.021611213 ngày 17/12/2013 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ khoản tiền vay của ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1. Tài sản thế chấp gồm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, 25, 26 thuộc tờ bản đồ số 51, 53 xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W100630 ngày 23/9/2002 cho hộ ông Phùng Thái B. Các thành viên hộ gia đình gồm ông Phùng Thái B, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Khắc T, bà Phùng Thị T1, ông Phùng Thanh N, ông Phùng Văn H, ông Phùng Thái H1 và bà Phùng Thị N1 đều thống nhất giao cho ông Phùng Thái B và bà Nguyễn Thị C được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp tài sản nói trên của hộ gia đình. Nội dung này đã được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực ngày 23/11/2017. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 06-12-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được thế chấp nói trên đều không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 293, Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 288, Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.
2. Buộc ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/5/2022 là 257.445.981 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 208.000.000 đồng (hai trăm không tám triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 46.249.003 đồng (bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn không trăm không ba đồng), nợ lãi trong hạn là 2.840.548 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn là 356.430 đồng (ba trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng C thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, 25, 26 thuộc tờ bản đồ số 51, 53 xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W100630 ngày 23/9/2002 cho hộ ông Phùng Thái B để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Khắc T và bà Phùng Thị T1 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.872.299 đồng (mười hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm chín mươi chín đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.277.237 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0012067 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính